

Số: 2070 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 26 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn
thành phố Hải Phòng đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 3662/QĐ-BNN-HTQT ngày 20/11/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và Phát triển chương trình khí sinh học” vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB);

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố: Số 504/QĐ-UBND ngày 25/3/2010 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư; số 2357/QĐ-UBND ngày 26/11/2009 về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể kinh phí thực hiện Dự án nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và chương trình phát triển khí sinh học, vốn vay Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB);

Căn cứ Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn Hải Phòng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Hội đồng Thẩm định các đề án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu về nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại Tờ trình số 148^g/T.Tr-SNN-QSEAP ngày 03/8/2012 về việc phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn thành phố Hải Phòng đến năm 2020;



Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1185/KHĐT-NNNT ngày 21/8/2012; Công văn số 1565/KHĐT-NNNT ngày 19/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn thành phố Hải Phòng đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm

- Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn (RAT) phù hợp với định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh - tế xã hội và các quy hoạch liên quan của thành phố; từng bước xây dựng vùng sản xuất rau an toàn theo quy trình VietGAP đáp ứng nhu cầu tiêu thụ rau an toàn của thành phố và hướng tới xuất khẩu.

- Khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp.

- Phát triển vùng sản xuất RAT theo hướng thâm canh, năng suất, chất lượng và sản xuất hàng hóa; áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, gắn với bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Hình thành vùng sản xuất rau an toàn tập trung đảm bảo năng suất, chất lượng, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn thành phố và hướng tới xuất khẩu; góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp; nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác, tăng thu nhập cho người dân; bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường sinh thái.

- Đảm bảo có địa điểm thích hợp, không bị ô nhiễm để sản xuất rau an toàn đáp ứng yêu cầu chế biến và kinh doanh rau an toàn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Lập bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ hiện trạng sản xuất rau, bản đồ quy hoạch vùng sản xuất RAT trên địa bàn thành phố đến năm 2020, trong đó có bố trí vùng sản xuất RAT tập trung.

- Xây dựng các mô hình sản xuất rau an toàn, đảm bảo cơ cấu, chủng loại rau đáp ứng nhu cầu của thị trường, có cơ cấu luân canh hợp lý và đề xuất một số giải pháp phát triển.

- Đến năm 2015, quy hoạch 30 vùng sản xuất rau an toàn, với quy mô đạt 1180 ha. Đến năm 2020, nâng tổng số vùng quy hoạch rau an toàn lên 78 vùng, đạt 3610 ha; có 100% cơ sở chế biến bảo quản rau, quả áp dụng quản lý chất lượng (HACCP; ISO) và 100% diện tích rau tại các vùng sản xuất rau tập trung áp dụng quy trình VietGAP.

- Nâng cao trình độ, nhận thức và trách nhiệm của người sản xuất trong việc sử dụng hoá chất, phân bón trong sản xuất, bảo quản rau, nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng thực phẩm an toàn của nhân dân, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

3. Nội dung quy hoạch.

3.1. Quy hoạch diện tích sản xuất rau an toàn tại các địa phương

Diện tích vùng sản xuất RAT tập trung các huyện đến năm 2020, cụ thể:

Đơn vị tính: Ha

TT	Các huyện	Diện tích canh tác		Diện tích gieo trồng	
		Năm 2015	Năm 2020	Năm 2015	Năm 2020
1	Vĩnh Bảo	250	650	1.575	2.145
2	Tiên Lãng	160	510	1.190	1.632
3	An Lão	160	570	1.190	1.824
4	Kiến Thụy	200	620	1.292	1.984
5	An Dương	250	750	1.440	2.288
6	Thủy Nguyên	160	510	960	1.581
Tổng cộng		1.180	3.610	7.647	11.454

3.2. Địa bàn quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn

Dự kiến bố trí các vùng sản xuất rau an toàn tập trung đến năm 2020 tại 78 vùng, với diện tích 3.610 ha cụ thể tại các huyện như sau:

- Huyện Vĩnh Bảo quy hoạch 16 vùng sản xuất rau an toàn tập trung với tổng diện tích 650 ha, tại các xã: Thắng Thủy (50ha); Hiệp Hòa (40ha); An Hòa (60ha); Hùng Tiến (50ha); Tân Hưng (50ha); Dũng Tiến (30ha); Tân Liên (40ha); Nhân Hòa (40ha); Vinh Quang (30ha); Nhân Hưng (20ha); Vĩnh Long (60ha); Lý Học (40ha); Tam Cường (40ha); Vĩnh Tiến (40ha); Trần Dương (20ha) và thị trấn Vĩnh Bảo (40ha);

- Huyện Tiên Lãng quy hoạch 12 vùng sản xuất rau an toàn tập trung với tổng diện tích 510 ha, tại thị trấn Tiên Lãng (30ha) và các xã: Quyết Tiến (50ha); Khởi Nghĩa (50ha); Tiên Thanh (50ha); Kiến Thiết (50ha); Bạch Đằng (30ha); Quang Phục (50ha); Tiên Thắng (60ha); Đông Hưng (30ha); Tây Hưng (30ha); Vinh Quang (50ha); Tiên Hưng (30ha);

- Huyện An Lão quy hoạch 12 vùng sản xuất rau an toàn tập trung với tổng diện tích 570 ha, tại các xã: Bát Trang (30ha); Trường Thành (40ha); Trường Thọ (30ha); An Tiến (40ha); Quốc Tuấn (50ha); Tân Dân (70ha); Thái Sơn (60ha); Tân Viên (50ha); Mỹ Đức (80ha); Chiến Thắng (30ha); An Thọ (50ha); An Thái (40ha);

- Huyện Kiến Thụy quy hoạch 08 vùng sản xuất rau an toàn tập trung với tổng diện tích 620 ha tại các xã: Đại Đồng (80ha); Đại Hà (80ha); Tú Sơn (120ha); Đoàn Xá (70ha); Tân Trào (70ha); Ngũ Đoan (60ha); Tân Phong (80ha); Đại Hợp (60ha);

- Huyện An Dương quy hoạch 10 vùng sản xuất rau an toàn tập trung với tổng diện tích 750 ha tại các xã: Hồng Thái (40ha); Quốc Tuấn (50ha); Lê Lợi (30ha); Bắc Sơn (40ha); Tân Tiến (40ha); An Hưng (30ha); Đại Bản (150ha); Hồng Phong (100ha); An Hòa (200ha); Lê Thiện (70ha);

- Huyện Thủy Nguyên quy hoạch 20 vùng sản xuất rau an toàn tập trung với tổng diện tích 510 ha, tại các xã: Quảng Thanh (30ha); Hợp Thành (30ha); Chính Mỹ (20ha); Thiên Hương (30ha); Kiền Bái (30ha); Kênh Giang (20ha); Lưu Kiếm (20ha); Đông Sơn (30ha); Hòa Bình (20ha); Thủy Đường (30ha); Ngũ Lão (20ha); An Lư (30ha); Trung Hà (20ha); Phục Lễ (20ha); Phả Lễ (20ha); Lập Lễ (20ha); Minh Tân (20ha); Liên Khê (30ha); Gia Minh (30ha); Lưu Kỳ (20ha).

3.3. Các mô hình ưu tiên

Từ nay đến năm 2015, ưu tiên thực hiện 04 mô hình, trên địa bàn 04 xã làm điểm nhân để tiếp tục nhân rộng phát triển ra sản xuất đại trà gồm:

- Mô hình 1: Xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, diện tích 34 ha;
- Mô hình 2: Xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, diện tích 30 ha;
- Mô hình 3: Xã Tiên Thắng, huyện Tiên Lãng, diện tích 30 ha;
- Mô hình 4: Xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, diện tích 30 ha.

3.4. Cơ cấu giống, thời vụ, năng suất và sản lượng

- Phát triển cơ cấu các loại rau theo hướng đa canh phù hợp với thời vụ, đất đai, tập quán canh tác, công nghệ sản xuất và đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Giống rau được gieo trồng là các giống đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận chính thức hoặc tạm thời, có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu các điều kiện bất thuận của thời tiết và dịch hại.

- Đến năm 2020, có 3.610 ha canh tác, trong đó 1.000 ha là chuyên canh trồng 4-5 vụ/năm và 2.610 ha luân canh (chủ yếu trồng trong vụ đông xuân) tương đương 10.000 ha gieo trồng/năm, năng suất đạt 24,5 tấn/ha, sản lượng 245.000 tấn/năm.

3.5. Lựa chọn công nghệ và quy trình kỹ thuật

- Xây dựng, hoàn chỉnh và áp dụng các Quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn, rau hữu cơ... do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành phù hợp với điều

kiện ở thành phố, trên cơ sở áp dụng Quy trình VietGAP và các quy chuẩn kỹ thuật khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Công nghệ sản xuất rau trái vụ trong nhà có mái che: Được bổ sung một số khâu kỹ thuật như điều khiển ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm và quản lý dịch hại tổng hợp; nâng cao khả năng thụ phấn (đối với các đối tượng thuộc nhóm rau ăn quả) thông qua việc sử dụng một số loại hoóc môn thực vật.

3.6. Nguồn nhân lực phục vụ sản xuất

- Người sản xuất: Số lượng lao động cần thiết cho vùng sản xuất rau an toàn của thành phố là 40.000 lao động.

- Cán bộ kỹ thuật: Cán bộ kỹ thuật các cơ sở sản xuất rau an toàn, số cán bộ được huấn luyện là 300 người.

- Cán bộ kiểm tra giám sát, đối tượng là các cán bộ cơ quan Nhà nước có chức năng đánh giá, giám sát sản xuất rau an toàn, số lượng 30 người.

- Cán bộ quản lý cấp thành phố, huyện, xã 180 người, trong đó 140 người/140 xã, thị trấn và 40 người ở cấp thành phố, huyện.

3.7. Hệ thống dịch vụ nông nghiệp phục vụ sản xuất

a. Dịch vụ về giống: Dịch vụ cung ứng giống cần có sự quản lý, giám sát của các cấp quản lý cũng như đảm bảo sự thuận lợi trong quá trình phân phối phục vụ sản xuất của người nông dân.

- *Điểm cung ứng giống:* Mỗi xã, thị trấn có từ 1-2 điểm, nếu xã, thị trấn nào không có điểm cung ứng thì sẽ giao HTX dịch vụ nông nghiệp đảm nhiệm.

- *Quản lý chất lượng giống:* Chất lượng giống do nhà cung cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật theo Pháp lệnh Giống cây trồng và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương. Hàng năm, cơ quan có chức năng sẽ tiến hành khảo sát, đánh giá các giống mới và phổ biến những thông tin cần thiết khuyến cáo người nông dân trong quá trình lựa chọn giống phù hợp.

b. Dịch vụ về thuốc bảo vệ thực vật: Đảm bảo có đầy đủ thuốc bảo vệ thực vật ít độc hại, có hiệu quả phòng trừ cao, nằm trong danh mục được phép sử dụng trên cây rau, nhất là các loại thuốc có nguồn gốc sinh học.

- *Điểm cung ứng:* Mỗi xã, thị trấn có từ 1-2 điểm cung ứng và phải có chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định.

- *Công tác thanh tra, kiểm tra:* Thực hiện thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra các địa điểm kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật về điều kiện hành nghề, danh mục thuốc, số lượng, chất lượng thuốc.

c. Dịch vụ về phân bón và các vật tư nông nghiệp khác: Cùng với các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, các dịch vụ cung ứng về phân bón và các vật tư nông nghiệp khác phải được quản lý đồng bộ để giúp người sản xuất không mua

phải hàng giả, hàng kém chất lượng cũng như các yếu tố có liên quan đến chất lượng vệ sinh an toàn của sản phẩm.

3.8. Tổ chức sản xuất và tiêu thụ rau an toàn

- Hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, chủ hộ sản xuất, doanh nghiệp chuyên sản xuất rau an toàn, chuyên tiêu thụ hoặc kết hợp giữa sản xuất với tiêu thụ rau an toàn.

- Quy mô vùng sản xuất rau an toàn phải từ 03 ha trở lên, có chế độ chuyên canh, luân canh, xen canh, có cơ cấu chủng loại rau phù hợp để duy trì thường xuyên việc cung cấp sản phẩm rau cho thị trường. Sử dụng thường xuyên có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động trồng rau trên địa bàn.

- Đa dạng hóa về đầu mối tiêu thụ rau để đảm bảo việc lưu thông và tiêu thụ rau an toàn được đẩy mạnh, thuận lợi. Phát triển các hình thức tiêu thụ rau an toàn như bán buôn, bán lẻ, bán tại các siêu thị và các thị trường khác.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại như: Xây dựng thương hiệu, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm rau an toàn, tham gia các hội trợ trong thành phố và tại các tỉnh, thành phố khác.

4. Một số giải pháp thực hiện quy hoạch

4.1. Giải pháp về chính sách:

a. Chính sách đất đai:

- Triển khai quy hoạch diện tích đất cho sản xuất rau an toàn theo hướng ổn định, tập trung phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố giai đoạn 2011-2020.

- Khuyến khích chuyển nhượng, chuyển đổi, dồn điền đổi thửa, tích tụ đất đai để hình thành các vùng sản xuất rau an toàn tập trung.

b. Chính sách khuyến khích sản xuất:

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập, phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất kinh doanh rau an toàn tại vùng quy hoạch sản xuất rau an toàn tập trung.

- Hỗ trợ rủi ro do sâu bệnh gây hại khi áp dụng quy trình sản xuất rau an toàn.

- Hỗ trợ đầu tư tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, sơ chế rau an toàn; hỗ trợ vay vốn mua sắm nhà lưới, nhà kính, hệ thống điện, các thiết bị máy móc hiện đại phục vụ sản xuất,...

4.2. Giải pháp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng sản xuất rau an toàn:

Đối với những vùng sản xuất rau an toàn tập trung: Lồng ghép với các cơ chế, chính sách hiện có để từng bước xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng các

vùng sản xuất rau an toàn, trong đó tập trung vào các hạng mục: Đường giao thông nội đồng; hệ thống tưới, tiêu chủ động; nhà lưới; hệ thống điện cho sản xuất; nhà sơ chế bảo quản, đóng gói phân loại; hệ thống thu gom phế liệu và xử lý môi trường,... trước mắt, ưu tiên tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng tại các mô hình ưu tiên (đối với các vùng trình diễn sẽ tăng cường đầu tư thêm một số tiến bộ kỹ thuật như: hệ thống tưới phun, tưới nhỏ giọt; sản xuất giống trong khay,...).

4.3. Giải pháp về khuyến nông:

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới khuyến nông, xây dựng đội ngũ kỹ thuật viên tại chỗ.

- Tăng cường mở các lớp tập huấn, đào tạo về quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn phù hợp với điều kiện sản xuất của thành phố, trong đó chú trọng đến sản xuất rau an toàn.

- Tổ chức thăm quan mô hình sản xuất rau an toàn trong và ngoài thành phố.

4.4. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực:

Đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ kỹ thuật để có đủ năng lực quản lý và chỉ đạo sản xuất. Bên cạnh đó, thường xuyên mở các lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất, chế biến, bảo quản rau an toàn cho người nông dân nâng cao tay nghề, từ đó tạo ra những sản phẩm có năng suất, chất lượng. Lòng góp thực hiện Đề án đào tạo nghề nông thôn theo quy định.

4.5. Tuyên truyền, xúc tiến thương mại thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ rau an toàn:

- Thực hiện công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến thương mại nhằm thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ rau an toàn. Nâng cao nhận thức, ý thức của người sản xuất và người tiêu dùng góp phần gắn kết giữa người sản xuất và người tiêu dùng trong quá trình triển sản xuất và tiêu thụ rau an toàn.

- Phổ biến kỹ thuật sản xuất rau an toàn theo quy trình VietGAP cho người nông dân; các văn bản pháp luật về sản xuất an toàn tới các cơ sở và cá nhân sản xuất rau an toàn.

4.6. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ:

- Đẩy mạnh công tác ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ về giống, kỹ thuật canh tác, sơ chế, bảo quản và chế biến sản phẩm rau an toàn trên địa bàn, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế của sản phẩm.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng các mô hình sản xuất rau an toàn theo VietGAP nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm rau an toàn.

- Tích cực vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng theo hướng sử dụng các giống mới năng suất cao, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

4.7. Vốn đầu tư và phân kỳ nguồn vốn thực hiện:

4.7.1. Vốn đầu tư:

Tổng vốn thực hiện quy hoạch đến năm 2020 dự kiến: 942,74 tỷ đồng.

Trong đó:

- Vốn ngân sách: 209,69 tỷ đồng (22,24%);
- Vốn tự có (từ doanh nghiệp và hộ gia đình): 456,33 (48,40%);
- Vốn tín dụng: 276,72 (29,36%).

4.7.2. Phân kỳ đầu tư:

* Giai đoạn 2013-2015 là 354,53 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách: 79,69 tỷ đồng (22,47%);
- Vốn tự có: 171,12 tỷ đồng (48,26%);
- Vốn vay tín dụng 103,72 tỷ đồng (29,27%).

* Giai đoạn 2016-2020 là 588,21 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách: 130 tỷ đồng (22,1%);
- Vốn tự có: 285,21 tỷ đồng (48,5%);
- Vốn vay tín dụng: 173 tỷ đồng (29,40%).

4.8. Giải pháp về bảo vệ môi trường vùng sản xuất rau an toàn:

- Xây dựng khu tập trung và xử lý rác thải, thu gom các bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật và các phế thải trong sản xuất vào đúng nơi quy định.

- Chuyển đổi dần phương thức từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa, tập trung song song với kiểm soát chặt chẽ môi trường sản xuất rau an toàn.

- Vận động nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định, tăng cường sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, thảo mộc (thuốc trừ sâu sinh học, thuốc trừ sâu vi sinh,...).

4.9. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước trong sản xuất kinh doanh rau an toàn:

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về sản xuất, kinh doanh rau an toàn; thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát về điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng rau an toàn; kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất, sơ chế và chất lượng rau an toàn; cấp giấy chứng nhận sản phẩm rau an toàn cho các tổ chức, cá nhân sản xuất rau an toàn, công bố sản phẩm rau an toàn theo các tiêu chuẩn phù hợp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì tổ chức công bố quy hoạch; hướng dẫn các ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch; xây dựng kế hoạch cho cả giai đoạn, hàng năm để thực hiện quy hoạch; tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các cơ chế, chính sách phát triển các vùng sản xuất rau an toàn.

2. Các Sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các cấp liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch được phê duyệt theo quy định; chỉ đạo và thực hiện các dự án phát triển rau an toàn trên địa bàn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- CV: NN, ĐC, MT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

CHỦ TỊCH



Dương Anh Điền